TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:04/2021/DS-ST

Ngày: 08 -01- 2021

V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 84/2020/QĐST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thị L, sinh năm: 1950 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện B, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm: 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Văn L, sinh năm: 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L:

Bà Nguyễn Thị N là bị đơn trong vụ án tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền đề ngày 28/10/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2020, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị N có trực tiếp tham gia chơi trong 02 hụi tháng có cùng mệnh giá 1.000.000 đồng do bà làm chủ. 02 dây hụi bà N tham gia chơi cụ thể như sau:

- Dây 1: Khui ngày 29/12/2017, dây hụi có 24 phần bà N tham gia chơi 02 phần. Dây hụi này bà N bỏ thăm hốt hụi ở lẩn khui thứ 17, chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi bà N không có đóng hụi chết cho bà. Bà phải choàng hụi đóng thay cho bà N 07 kỳ hụi chết số tiền là 14.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 2 phần x 07 tháng). Dây hụi đã mãn.

- Dây 2: Khui ngày 15/10/2018, dây hụi có 25 phần bà N tham gia chơi 01 phần. Dây hụi này bà N bỏ thăm hốt hụi ở lẩn khui thứ 06, chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi bà N không có đóng hụi chết cho bà. Bà phải choàng hụi đóng thay cho bà N 19 kỳ hụi chết số tiền là 19.000.000 đồng. Dây hụi đã mãn tháng 09/2020.

02 dây hụi nêu trên bà N còn nợ bà số tiền hụi chết không đóng mà bà đã choàng hụi đóng thay là 33.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà có trực tiếp tham gia chơi trong 01 dây hụi tháng khui ngày 24/12/2018 có mệnh giá 2.000.000 đồng, dây hụi có 20 phần, bà tham gia chơi 01 phần do bà N làm chủ. Dây hụi này bà đóng được 13 kỳ hụi sống số tiền là 26.000.000 đồng chưa hốt thì dây hụi bị bể vào tháng 01/2019 đến nay. Việc chơi hụi các bên chỉ thỏa thuận miệng không có lập thành văn bản, hình thức chơi hụi ai

bỏ thăm cao thì được hốt, chủ hụi có hưởng huê hồng. Quá trình chơi hụi ông L chồng bà N có biết.

Tổng số tiền hụi bà N nợ bà là 59.000.000 đồng. Bà N đã trả cho bà được số tiền hụi là 15.500.000 đồng còn nợ lại số tiền là 43.500.000 đồng.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L phải liên đới trả lại cho bà số tiền hụi là 43.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà L khởi kiện vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L phải liên đới trả lại cho bà số tiền hụi là 43.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 30/10/2020 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà hoàn toàn thừa nhận và thống nhất với phần trình bày cùa nguyên đơn bà Phạm Thị L. Bà thừa nhận bà có tham gia chơi trong 02 dây hụi tháng khui ngày 29/12/2017 và ngày 15/10/2018 do bà L làm chủ đã hốt hụi nhưng đóng hụi chết không đầy đủ còn nợ lại bà L 02 dây hụi này tiền hụi chết không đóng số tiền là 33.000.000 đồng và nợ bà L tiền hụi sống chưa trả của dây hụi khui ngày 24/12/2018 số tiền là 26.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 59.000.000 đồng. Bà đã trả cho bà L số tiền hụi là 15.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 43.500.000 đồng đến nay chưa trả. Bà xin trả dần số tiền hụi này cho bà L, hằng tháng trả 1.000.000 đồng đến khi hết nợ. Chồng bà là ông Nguyễn Văn L đồng ý củng bà trả nợ cho bà L.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 26, 35, 39,

203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm trong việc gởi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại còn chậm, chưa đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự cần rút kinh nghiệm thực hiện tốt trong thời gian tới. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L vắng mặt có ủy quyền nên xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L phải liên đới trả cho bà Phạm Thị L số tiền hụi 43.500.000 đồng. Ghi nhận bà Phạm Thị L không yêu cầu trả lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện nguyên đơn bà Phạm Thị L khởi kiện vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L yêu cầu trả số tiền góp hụi là 59.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà L chỉ khởi kiện bà N và ông L yêu cầu trả số tiền nợ góp hụi là 43.500.000 đồng. Bà L đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà L không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện trước đây của bà L, phù hợp Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L đối với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N yêu cầu trả số tiền nợ góp hụi (Tiền hụi chết choàng đóng thay và tiền hụi sống đã đóng) của dây hụi khui ngày 29/12/2017, 15/10/2018 và ngày 24/12/2018.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà Nguyễn Thị N hoàn toàn thừa nhận, bà là hụi viên có trực tiếp tham gia chơi trong 02 dây hụi khui ngày 29/12/2017 và ngày 15/10/2018 mệnh giá 1.000.000 đồng do bà L làm chủ và bà L có trực tiếp tham gia chơi trong dây hụi khui ngày 24/12/2018 có mệnh giá 2.000.000 đồng do bà N làm chủ. Bà N hoàn toàn thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà L số tiền hụi chưa trả là 43.500.000 đồng. Lời khai thừa nhận này của bà N hoàn toàn phù hợp với lời khai của nguyên đơn bà L, phù hợp với khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn bà L không phải chứng minh. Số tiền nợ góp hụi 43.500.000 đồng đến nay bà N và ông L chưa trả cho bà L là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên theo thỏa thuận. Bà L khởi kiện bà N và ông L trả số tiền nợ hụi 43.500.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 15, 16, 17, 24, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà N xin trả dần số tiền nợ hụi nêu trên hằng tháng là 1.000.000 đồng nhưng không được bà L chấp nhận và pháp luật cũng không quy định cho trả dần, đây là giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Bà L không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ hụi 43.500.000 đồng của các dây hụi nêu trên. Đây là sự tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[6] Bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N và ông L cùng liên đới trả nợ hụi số tiền 43.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Số tiền nợ hụi 43.500.000 đồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông L, ông bà hiện nay còn chung sống, hôn nhân vẫn còn tồn tại. Bà N khẳng định bà làm chủ hụi hưởng huê hồng và sử dụng vào mục đích sinh hoạt và chi tiêu cho gia đình. Ông L chồng bà N có biết. Bà N trình bày chồng bà ông L đồng ý cùng bà trả nợ. Do đó, bà N và ông L phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ góp hụi 43.500.000 đồng cho bà L là đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Bà N và ông L là người cao tuổi (Có đơn xin miễn nộp tiền án phí đề ngày 28/10/2020 và ngày 30/10/2020). Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà N và ông L miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 15, 16, 17, 24, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L đòi bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L trả tiền nợ góp hụi.

2. Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ lên đới trả cho bà Phạm Thị L số tiền góp hụi là 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận bà Phạm Thị L không yêu cầu trả lãi suất của số tiền hụi nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L miễn nộp án phí.

Bà Phạm Thị L là người cao tuổi không có nộp tiền tạm ứng án phí nên không có hoàn trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự trong vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương